

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HS-ST
Ngày 18 tháng 01 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng Nhung

Bà Vũ Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST - HS ngày 18 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Ngô Văn T, sinh ngày 06/02/1972 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Chung cư H, tổ X, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện tại: Phòng X tòa CT1A- Khu đô thị Nghĩa Đô, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; Đoàn thể, Đảng phái: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt từ ngày 18/5/2022; con ông Ngô Văn K và bà Trần Thị D (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị H và 03 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/4/2022 đến ngày 14/6/2022 được tại ngoại đến nay, có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1968 (chủ Hộ kinh doanh Lan T1); địa chỉ: Số X, phố T, phường Ngô Quyền, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Đức K1, sinh năm 1988; trú tại: Thôn Thiệu Tổ, xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.
2. Ông Nguyễn Xuân G, sinh năm 1957; trú tại: Số nhà X, ngõ Y, đường Tây Sơn, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.
3. Bà Hoàng Thanh H, sinh năm 1978; trú tại: Khu đô thị Nghĩa Đô, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, có mặt.
4. Anh Đàm Tiến T1, sinh năm 1986; trú tại: phố Xuân Diệu, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Đức T2, anh Tạ Anh T3, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu dùng xe ô tô làm phương tiện đi lại phục vụ công việc kinh doanh nên ngày 24/7/2020, Ngô Văn T khi đó đang là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần đầu tư Osum (Công ty Osum) có trụ sở tại số 15B19, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội gọi điện thoại cho anh Tạ Anh T3, sinh năm 1976, ở xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên là Giám đốc và anh Bùi Đức K1, sinh năm 1988 ở xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc là Trưởng phòng kinh doanh của Công ty Osum, chi nhánh Vĩnh Phúc. Qua điện thoại, T nhờ anh T3, anh K1 đến cửa hàng của ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1968, ở phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên để ký hợp đồng thuê xe ô tô tự lái cho T. T3 và K1 đều đồng ý (trước đó T đã gọi điện thoại nhờ bạn là anh Nguyễn Đức Thủ, sinh năm 1972, ở phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên liên hệ với ông T1 đặt vấn đề thuê xe giúp thì ông T1 đã đồng ý). Sau đó, T3 điều khiển xe ô tô mang biển kiểm soát (BKS) 88C-126.87 của mình chở anh K1 cùng đi đến cửa hàng thuê xe tự lái của ông T1, khi đến nơi anh K1 một mình vào gặp ông T1 để ký hợp đồng thuê xe tự lái thay cho T, còn anh T3 quay về chi nhánh của công ty ở xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc để giải quyết công việc. Tại đây, ông T1 đồng ý ký hợp đồng cho thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 6, màu sơn trắng, BKS: 30F-713.25, thời hạn từ ngày 24/7/2020 đến ngày 04/8/2020, giá thuê xe là 1.200.000đ/ngày. Sau đó, ông T1 giao cho anh K1 01 xe ô tô BKS 30F-713.25; 01 Giấy đăng ký xe bản photo mang tên Đàm Tiến T1; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới; 01 đăng kiểm xe ô tô BKS: 30F-713.25, anh K1 chỉ đứng tên trong hợp đồng thuê xe, còn mọi giao dịch khác T đã làm việc với ông T1. Sau khi thuê được xe, anh K1 đi xe về để trong khuôn viên của chi nhánh Công ty Osum tại Vĩnh Phúc rồi thông báo cho T biết. Ngày 25/7/2020, T đến chi nhánh công ty, mang xe đi về Hà Nội sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến khoảng đầu tháng 8/2020, do công việc kinh doanh gặp khó khăn cần tiền để giải quyết công việc và chi tiêu cá nhân nên T mang xe ô tô BKS: 30F-713.25 đến cầm cố cho ông Nguyễn Xuân G sinh năm

1957 ở số nhà 03, ngõ 100, đường Tây Sơn, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội để vay 470.000.000đ và để lại chiếc xe ô tô nói trên làm tin. Khi vay tiền, ông Gia có hỏi về nguồn gốc xe ô tô thì T nói dối xe này T mượn của bạn, T đang làm thủ tục mua bán, sang tên; bạn của T cũng biết và đồng ý cho T mang xe đi cầm cố, T đưa cho ông Gia xem bản gốc Giấy đăng kiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe, do là chỗ quen biết từ trước nên ông Gia tin tưởng, đồng ý cho T vay tiền và hẹn T 07 ngày sau phải đưa cho ông Giấy đăng ký xe bản gốc, đồng thời T thỏa thuận nếu không có tiền lấy lại xe thì đồng ý cho ông Gia bán xe ô tô trên. Sau đó, T viết cho ông Gia giấy bán xe ô tô BKS: 30F-713.25 và để lại xe ô tô BKS: 30F-713.25 kèm theo 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: KC 9288492 và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số: B19/0106503. Sau đó, để có Giấy đăng ký xe giao cho ông Gia theo thỏa thuận, T lên mạng xã hội đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 652405, BKS: 30F- 713.25, tên chủ xe Đàm Tiến T1, địa chỉ: 33/31/46 Xuân Diệu, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội từ một người nam giới không quen biết với giá 1.500.000đ. Khoảng 3 ngày sau T nhận được 01 Giấy đăng ký xe ô tô giả từ người nam giới không quen biết trên. Sau đó, T đưa Giấy đăng ký xe ô tô giả cho ông Gia để ông Gia tin tưởng. Đến khoảng đầu tháng 5/2021, ông Gia nghi ngờ đăng ký xe T đưa là giả nên đã gọi điện thoại cho T yêu cầu trả cho ông số tiền 470.000.000đ đã vay. Do không có tiền để trả nên T tiếp tục nói dối xe ô tô này đã mua lại và đang làm thủ tục sang tên cho T. Ngày 14/5/2021, T và ông Gia thỏa thuận T viết lại giấy bán xe với nội dung T bán cho ông Gia xe ô tô BKS: 30F-713.25 với giá 500.000.000đ, ông Gia đưa trước cho T số tiền 470.000.000đ và hẹn khi hoàn tất thủ tục sang tên đăng ký xe thì trả số tiền còn lại là 30.000.000đ, trong thời hạn 30 ngày T phải giao cho ông Gia giấy đăng ký của xe ô tô BKS: 30F-713.25 (mang tên Ngô Văn T), nếu không thực hiện đúng thì sẽ phải trả lại cho ông Gia số tiền đã nhận. Số tiền vay được của ông Gia, T đã tiêu sài hết.

Sau khi hết thời hạn thuê xe ông T1 gọi điện thoại yêu cầu T trả xe thì T xin gia hạn thời hạn thuê xe, ông T1 đồng ý với điều kiện T phải trả tiền thuê xe đều hàng tháng. Từ tháng 02/2021, do làm ăn thua lỗ T không trả được tiền thuê xe. Ông T1 đã nhiều lần liên hệ với T yêu cầu trả xe nhưng T trốn tránh, không có khả năng chuộc lại xe để trả cho ông T1. Ngày 15/4/2021, ông T1 đến cơ quan Công an trình báo sự việc và giao nộp 01 Hợp đồng thuê xe ô tô tự lái do Bùi Đức K1 ký (được niêm phong ký hiệu A1); 01 Căn cước công dân, 01 Giấy phép lái xe đều là bản phô tô mang tên Bùi Đức K1; 01 giấy biên nhận thế chấp (bản gốc); 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 30F713.25 (phô tô); 01 Giấy chứng nhận hộ kinh doanh (phô tô công chứng).

Ngày 23/6/2021, ông Nguyễn Xuân G tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên xe ô tô BKS: 30F-713.25. Ngày 28/10/2021, ông Gia giao nộp thêm 01 (một) GIẤY BÁN XE đề ngày 14/5/2021,

dưới mục bên bán là Ngô Văn T, bên mua là Nguyễn Xuân G và 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 652405, BKS: 30F- 713.25, tên chủ xe Đàm Tiến T1, địa chỉ: 33/31/46 Xuân Diệu, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; 01(một) Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới số: 9288492; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của chủ xe ô tô, số: B190106503 mang tên Đàm Tiến T1.

Ngày 12/7/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên có văn bản yêu cầu Hội Đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Vĩnh Yên định giá đối với 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda6, màu trắng, BKS: 30F-713.25. Tại Kết luận số 131/KL-HĐĐG ngày 16/7/2021 của Hội đồng định giá, trị giá xe ô tô nói trên là: 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Ngày 24/6/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định: chữ viết, chữ ký trên 01 hợp đồng thuê xe ô tô tự lái ngày 24/07/2020 (niêm phong ký hiệu A1) so với chữ viết, chữ ký trên 01 bản tự khai ngày 24/6/2021 của Bùi Đức K1 (niêm phong ký hiệu M1) và 01 biên bản ghi lời khai đề ngày 24/6/2021, dưới mục NGƯỜI KHAI có chữ ký, chữ viết “Bùi Đức K1” (niêm phong ký hiệu M2) có phải cùng một người viết ra hay không?. Tại Kết luận giám định số 1640/KLGD ngày 20/7/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Đức K1 dưới mục “LÁI XE” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Đức K1 trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 09/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết mang tên Ngô Văn T dưới mục BÊN BÁN của 01 Giấy bán xe đề ngày 14/5/2021 (niêm phong ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết trong 02 bản tự khai do Ngô Văn T viết đề ngày 03/11/2021 (niêm phong ký hiệu M1, M2) có phải cùng một người ký, viết ra hay không? Tại Kết luận giám định số 3102/KLGD ngày 29/11/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên “Ngô Văn T” dưới mục “BÊN BÁN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Ngô Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.

Ngày 24/03/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc yêu cầu giám định: chữ ký đứng tên Thượng tá Dương Đức Hải trên 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 30F-713.25 mang tên Đàm Tiến T1, đề ngày 03/10/2019 (niêm phong ký hiệu A1) so với chữ ký của ông Dương Đức Hải trên 03 tờ giấy A4 có nội dung ở phía trên, phía dưới mục: “TRƯỞNG PHÒNG” có đóng 01 dấu hình tròn đỏ có nội dung: “★CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI★PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG” (niêm phong ký hiệu M3 đến M5); Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “ ★CÔNG

AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI ★ PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG” trên mẫu giám định (ký hiệu A1) có phải tạo ra bằng phương pháp đóng dấu trực tiếp hay không? Nếu là hình dấu đóng trực tiếp thì hình dấu trên so với hình dấu tròn màu đỏ có phải cùng nội dung trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không? Hình dấu chức danh, hình dấu tên có nội dung: “THƯỢNG TÁ: Dương Đức Hải” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) có phải được tạo ra bằng phương pháp đóng dấu trực tiếp hay không? Nếu là đóng dấu trực tiếp thì hình dấu trên so với hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không? Các lớp in trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với các lớp in tương ứng trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) có phải do cùng một phương pháp in, in ra hay không. Tại kết luận giám định số 878/KLGĐ ngày 11/4/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký đứng tên Thượng tá Dương Đức Hải trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của ông Dương Đức Hải trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M3 đến M5) không phải do cùng một người ký ra. Hình dấu hình tròn màu đỏ có nội dung “★CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI ★PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) được tạo thành bằng phương pháp in phun màu, không phải hình dấu đóng trực tiếp. Hình dấu chức danh, hình dấu tên có nội dung “THƯỢNG TÁ: Dương Đức Hải” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) không phải là hình dấu được đóng trực tiếp tạo thành bằng phương pháp in phun màu. Các lớp in trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với các lớp in tương ứng trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một phương pháp in, in ra.

Ngày 06/4/2022, Ngô Văn T đến cơ quan điều tra đầu thú và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 79/CT-VKSNDTPVY - VP ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Ngô Văn T về các tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 175 và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Ngô Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thanh H trình bày: Bà là vợ của bị cáo T. Sau khi xảy ra sự việc, bà được T nhờ trả tiền cho ông Gia để khắc phục hậu quả. Đến nay, bà không yêu cầu T phải có trách nhiệm gì với bà về số tiền đó và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T. Ông Nguyễn Trọng T1 vắng mặt, lời khai trong giai đoạn điều tra thể hiện ông đã được T trả đủ các khoản tiền nên không có yêu cầu gì khác, ngoài ra ông xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T. Ông Nguyễn Xuân G vắng mặt, lời khai trong giai đoạn điều tra thể hiện ông đã nhận được tiền do người nhà bị cáo T trả lại nên không có yêu cầu gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm đã truy tố như cáo trạng đã nêu đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 175; khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Ngô Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Ngô Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ 06/4/2022 đến 14/6/2022; về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc Ngô Văn T phải chịu theo quy định pháp luật.

Bị cáo Ngô Văn T không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở lại hòa nhập cộng đồng, tiếp tục tham gia lao động sản xuất, tu dưỡng bản thân thành người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng hồ sơ đã có đủ lời khai đảm bảo cho việc xét xử. Do vậy, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Ngô Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên. Bị cáo đã thực hiện những hành vi sau:

3.1 Về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Do có nhu cầu sử dụng ô tô làm phương tiện đi lại giải quyết công việc kinh doanh nên ngày 24/07/2020, Ngô Văn T có thuê 01 xe ô tô tự lái nhãn hiệu Mazda 6 mang BKS: 30F-713.25 của ông Nguyễn Trọng T1 ở phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 1.200.000đ/ngày, trong thời hạn 10 ngày, từ ngày 24/7/2020 đến ngày 04/8/2020. Sau khi thuê được xe ô tô, do công việc kinh doanh không hiệu quả nên T mang xe đi cầm cố xe lấy tiền chi tiêu. Hết thời hạn

thuê xe, ông T1 nhiều lần yêu cầu T trả xe nhưng T không có ý thức cũng như không có khả năng chuộc lại để trả cho ông T1. Trị giá xe ô tô nói trên được định giá là 480.000.000đ.

3.2. Về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức:

Sau khi thuê xe ô tô BKS: 30F-713.25, T mang đến cầm cố cho ông Nguyễn Xuân G. Khi đó, T nói dối là xe do T mượn của bạn và đang làm thủ tục mua bán, sang tên. T đưa cho ông Gia xem bản gốc Giấy đăng kiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe. Do là chỗ quen nên ông Gia tin tưởng, đồng ý cho T vay tiền và hẹn T 07 ngày sau phải đưa cho ông Giấy đăng ký xe bản gốc. Để có Giấy đăng ký xe giao cho ông Gia như đã hẹn, T lên mạng xã hội đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 652405, BKS: 30F- 713.25, tên chủ xe Đàm Tiến T1, địa chỉ: 33/31/46 Xuân Diệu, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội từ một người nam giới không quen biết với giá 1.500.000đ. Khoảng 3 ngày sau T nhận được 01 Giấy đăng ký xe ô tô giả từ người nam giới không quen biết. Sau đó, T đã đưa Giấy đăng ký xe ô tô giả cho ông Gia để tạo sự tin tưởng.

[4] Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các Kết luận giám định, định giá tài sản; vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Hành vi của Ngô Văn T thuê xe ô tô (xe được kết luận định giá có trị giá 480.000.000đ), sau đó cầm cố cho người khác dẫn đến không có khả năng trả lại, đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

Hành vi làm giả 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 652405, BKS: 30F-713.25 của Ngô Văn T đã phạm vào tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 1 điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

[5] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tích cực khắc phục hậu quả cho người bị hại. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thu tại cơ quan điều tra và được bị hại viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng thêm hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trước khi phạm tội Ngô Văn T có nhân thân tốt, đã tích cực tham gia lao động sản xuất phát triển kinh tế gia đình và xã hội. Công ty Osum do bị cáo làm chủ đã tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động phổ thông tại địa phương. Nhưng trong hoàn cảnh dịch bệnh Covid -19 hoành hành dẫn đến bị cáo và doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế. Trong sự túng quẫn, Ngô Văn T đã không làm chủ được bản thân dẫn đến vi phạm pháp luật để bị đưa ra xét xử tại phiên tòa hôm nay. Hành vi phạm tội của bị cáo, cần bị xử lý nghiêm khắc. Tuy nhiên pháp luật luôn có sự khoan hồng để người vi phạm có cơ hội sửa sai, làm lại cuộc đời tiếp tục cống hiến cho gia đình và xã hội nên Hội đồng xét xử lượng hình, đã xem xét đánh giá hoàn cảnh phạm tội, nhân thân và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng mức hình phạt tù tại trại giam như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tại phiên tòa là phù hợp, đảm bảo tính giáo dục nghiêm người phạm tội và phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung trong xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và những người khác liên quan đến vụ án, thấy rằng:

Đối với 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda6 màu sơn trắng mang BKS 30F-713.25 có số máy PY10200241 và số khung: 43A6FC01523. Đây là tài sản hợp pháp của anh Đàm Tiến T1 sinh năm 1986, trú tại: Xuân Diêu, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội là con rể của ông Nguyễn Trọng T1. Anh Thành ủy quyền cho ông T1 quản lý, sử dụng xe để cho thuê xe tự lái. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đã trả lại tài sản cho ông T1 là có căn cứ. Sau khi nhận được tài sản và số tiền thuê xe mà T còn thiếu, ông T1 không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không đặt ra xem xét. Đối với ông Nguyễn Xuân G là người đã nhận cầm cố xe ô tô nói trên để cho T vay tiền. Quá trình điều tra xác định: Khi cầm cố xe, ông Gia có hỏi T là xe của ai thì T nói là xe mượn của bạn, đang làm thủ tục mua bán, sang tên cho T, bạn của T cũng biết và đồng ý cho T mang xe đi cầm cố. Do quen biết từ trước nên ông Gia tin tưởng cho T vay tiền và để lại chiếc xe nói trên. Sau khi nghi ngờ Giấy đăng ký xe T là giả, ông Gia đã liên hệ yêu cầu T trả lại tiền thì T nói dối là đã mua chiếc xe này và đang làm thủ tục sang tên cho T, đồng thời T viết cho ông Gia 01 giấy bán xe cam kết trong vòng 30 ngày sẽ giao đăng ký xe cho ông Gia. Ngày 23/6/2021, khi biết xe ô tô T thuê của ông T1 rồi đem đi cầm cố, ông Gia đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho CQĐT. Do vậy, CQĐT không đề cập xử lý là có căn cứ. Số tiền Ngô Văn T vay

của ông Gia, đã được bà Hoàng Thị Hằng (vợ bị cáo T) hoàn trả. Ông Gia và bà Hoàng Thị Hằng không yêu cầu gì đối với T nên không đặt ra xem xét. Xác nhận bị cáo T đã thực hiện xong trách nhiệm dân sự trong vụ án.

Đối với 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới, 01 đăng kiểm xe số 30F – 713.25 mà ông T1 giao cho T khi thuê xe, sau đó T giao lại cho ông Gia, ông Gia đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Quá trình sử dụng xe, 02 loại giấy tờ trên đều hết hạn sử dụng ông T1 đã đi làm đăng kiểm lại và mua tiếp Bảo hiểm trách nhiệm dân sự nên không yêu cầu nhận lại do vậy những giấy tờ trên tiếp tục được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 đăng ký xe ô tô BKS: 30F-713.25 giả, mang tên chủ sở hữu là Đàm Tiến T1 do Ngô Văn T đặt mua qua mạng xã hội và 01 Hợp đồng thuê xe ô tô tự lái do anh Bùi Đức K1 ký khi thuê xe ô tô; 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe đều là bản phô tô mang tên Bùi Đức K1; 01 giấy biên nhận thể chấp (bản gốc); 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 30F713.25 (phô tô); 01 Giấy chứng nhận hộ kinh doanh (phô tô công chứng); 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Trọng T1 (phô tô); 01 Hợp đồng tín dụng (phô tô); 01 Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới mang tên Đàm Tiến T1 (phô tô) mà ông Nguyễn Trọng T1 giao nộp, 01 giấy bán xe do Ngô Văn T viết khi vay tiền ông Nguyễn Xuân G cần tiếp tục chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 đăng ký xe ô tô BKS: 30F-713.25 mang tên chủ sở hữu là Đàm Tiến T1 (bản phô tô công chứng) do ông T1 giao lại cho T khi thuê xe, sau khi đặt làm đăng ký xe giả qua mạng xã hội, T đã vứt bỏ nên không thu giữ được. Ông T1 không có yêu cầu lấy lại nên không đặt ra xem xét.

Đối với anh Tạ Anh T3 và Bùi Đức K1 là nhân viên của T, T3 chở K1 đi để K1 ký hợp đồng thuê xe thay T nhưng mọi giao dịch trao đổi đều do T và ông T1 trực tiếp thực hiện, hành vi phạm tội của T không liên quan đến anh K1, và anh T3 nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Ngô Văn T phạm các tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ khoản 3 Điều 175; khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; 06 (Sáu) tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc Ngô Văn T phải chấp hành hình phạt 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 06/4/2022 đến ngày 14/6/2022.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Ngô Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Cơ quan THA.HS CA. Vĩnh Yên;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Vĩnh Yên;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Quang